

ÁP TRẦN

Luồng gió sáng khoái lan tỏa khắp phòng



- MỚI** FHA50/60/71DVMV
FHA50/60/71/100CVMV
FHA125/140CVMA
- MỚI** FHFC
40/50/60/71/85/100/125/140EV1



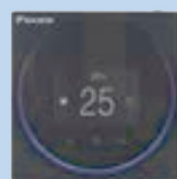
Tùy chọn Phụ kiện cần thiết cho dàn lạnh.

Series FHA

- Điều khiển từ xa thời trang (Có dây) *1



BRC1H63W
(Trắng)



BRC1H63K
(Đen)

- Navigation Remote Controller (Có dây) *1



BRC1E63



Một chiều lạnh
BRC7M56
Hai chiều
BRC7M53

Series FHFC

- Điều khiển từ xa loại đơn giản (Có dây) *1
- Điều khiển từ xa không dây *2

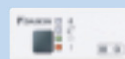


BRC2E61



Một chiều lạnh
BRC7GA56

Lưu ý: *1 Không bao gồm cáp điều khiển và được mua tại địa phương.
*2 Phải lắp đặt bộ nhận tín hiệu trên dàn lạnh.



Bộ nhận tín hiệu (Loại lắp đặt)
Bộ điều khiển từ xa không dây đi kèm với bộ nhận tín hiệu.

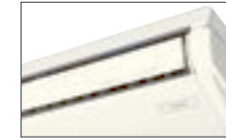
FHA	Thông số kỹ thuật	Tùy chọn	FHFC	Thông số kỹ thuật	Tùy chọn
	T.1114-115	T.134		T.125	T.134

Thời trang

Kiểu dáng thời trang

Miệng gió đóng lại gọn gàng khi không sử dụng.

Màu trắng



Thoải mái

Công nghệ

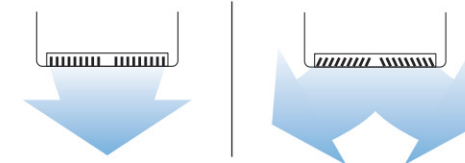
Động cơ quạt DC, quạt sirocco rộng và bộ trao đổi nhiệt lớn kết hợp để tạo ra luồng gió lớn hơn và giúp máy vận hành êm ái.

Đảo gió tự động (lên/xuống) và cánh đảo gió

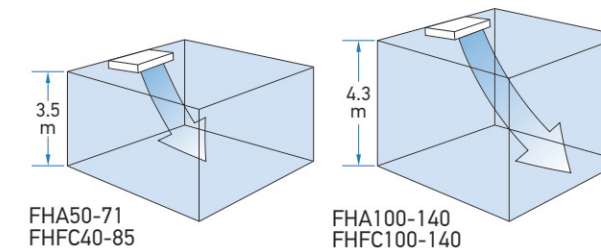
(trái và phải điều chỉnh bằng tay)

Mang sự thoải mái đến căn phòng.

Cánh đảo gió có thể chỉnh bằng tay để có luồng gió thổi theo góc thẳng hoặc góc rộng



Thích hợp với các trần nhà cao



FHA50-71
FHFC40-85

FHA100-140
FHFC100-140

	FHA	50-71	100	125/140
FHFC		40-85	100	125/140
Tiêu chuẩn		2.7m trở xuống	3.8m trở xuống	4.3m trở xuống
Trần cao		2.7m-3.5m	3.8m-4.3m	—

Lưu ý: Cài đặt của nhà máy là "Tiêu chuẩn".
"Trần cao" được cài đặt tại công trình bằng điều khiển từ xa.

Có thể thay đổi tốc độ quạt

- FHA 5 bước và tự động
- FHFC 3 bước và tự động

Lưới chống dầu

Lưới hút gió sử dụng chất liệu nhựa chống bám dầu.

Tăng độ bền khi sử dụng máy trong các nhà hàng hoặc các môi trường tương tự.

Lưu ý:
Được thiết kế để sử dụng trong các salon, phòng ăn, và các mặt sàn kinh doanh, đặc tính kỹ thuật này không phù hợp với không gian nhà bếp hoặc các môi trường khắc nghiệt khác.

Chức năng lọc khí Streamer *3

*3. Áp dụng khi sử dụng BRC1H63W(K).

Chỉ FHA

Xem trang 30

Thiết bị lọc khí Streamer (Tùy chọn)

Chiếu xạ Streamer khi hoạt động của quạt và máy điều hòa không khí dừng.
Streamer diệt khuẩn bên trong cabin và diệt khuẩn phin lọc.



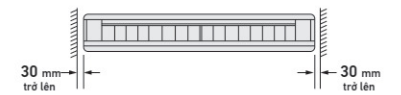
BAPWS55A61

Chú ý:
Chức năng Streamer chỉ hoạt động khi hoạt động của quạt và máy điều hòa không khí dừng.
Thời gian hoạt động của Streamer là 180 phút mỗi ngày.

Lắp đặt linh hoạt mang lại tự do trong thiết kế

Lắp đặt linh hoạt

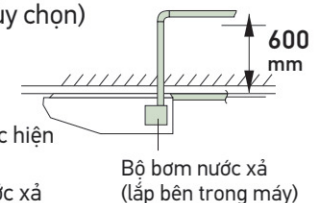
Máy có thể lắp gọn hơn trong các điều kiện không gian hẹp.



*Nước sử dụng trong quá trình thử máy có thể được xả ra từ miệng gió thay vì từ một bên máy như các mẫu máy trước đây.

Bộ bơm nước xả (tùy chọn) có thể dễ dàng kết hợp

Việc nối với ống xả có thể thực hiện bên trong máy.
Đầu ra của ống ga và ống nước xả chung nhau.

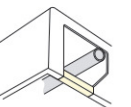


Tiêu chuẩn kết nối DIII-NET

Tất cả hệ thống dây điện và bảo trì bên trong có thể được thực hiện từ bên dưới dàn lạnh

Khung phía sau có thể tháo rời

cho phép dễ dàng tiếp cận để thi công đường ống



Bảo trì dễ dàng

Bơm nước xả (tùy chọn) có kháng khuẩn ion bạc

Giúp ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc, vi khuẩn gây mùi khó chịu và làm tắc máng xả.

Cánh đảo gió không có gờ

Tránh hiện tượng ngưng tụ, ngăn cản bụi bẩn bám vào cánh đảo gió.
Dễ dàng vệ sinh.

Cánh đảo gió không có gờ



Bề mặt phẳng, vệ sinh dễ dàng

Dễ dàng để lau sạch bụi bẩn trên các bề mặt phẳng bên hông và bên dưới của thiết bị.

DÀN NÓNG

Series RZF

Một chiều lạnh



MỚI
RZF50/60/71DVM



MỚI
RZF71DYM
RZF100CVM
RZF100CYM



MỚI
RZF100/125/140DVM
RZF100/125/140DYM
RZF125/140CVM
RZF125/140CYM

Series RZA

Hai chiều lạnh/sưởi



RZA50/60DV2V



RZA71/100DV1



RZA125/140DV1
RZA100/125/140DY1

Series RZFC

Một chiều lạnh



RZFC35EVM



MỚI
RZFC40/50/60/71EVM



MỚI
RZFC85/100EVM
RZFC71/85/100EY1



MỚI
RZFC125/140EY1

Dễ dàng lắp đặt và bảo trì

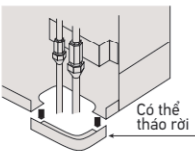
Dễ dàng bố trí nhờ đường ống 4 hướng nối

(RZF125/140C, RZF100-140D, RZA71-140, RZCF125/140)

Dễ dàng lắp đặt đường ống do có thể tháo rời mặt nạ bên ngoài để nối ống phía trước, bên phải và phía sau.

Một phần của khung đáy dàn nóng có thể tháo rời giúp việc đi ống dễ dàng hơn

(RZF125/140C, RZF100-140D, RZA71-140, RZFC125/140)



Hỗ trợ quá trình hút chân không

(Chức năng thu hồi môi chất lạnh)

Một công tắc hút chân không được cung cấp để giúp việc thu hồi môi chất lạnh dễ dàng hơn nếu cần di chuyển thiết bị hoặc thay đổi bố trí.

*Chức năng hút chân không chỉ khả dụng cho lượng môi chất lạnh đã được nạp sẵn

*Mặc dù thao tác hút chân không cho phép thu hồi phần lớn môi chất lạnh trong một khoảng thời gian ngắn, một lượng môi chất lạnh vẫn sẽ còn lại bên trong dàn lạnh và đường ống dẫn môi chất lạnh.

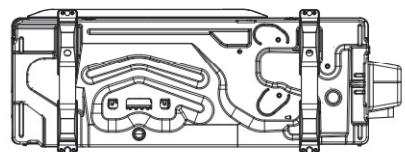
Sử dụng máy thu hồi môi chất lạnh, thu hồi lượng môi chất lạnh còn lại từ cổng dịch vụ của van chặn cho đến khi áp suất giảm xuống 0.09 MPa (áp suất đồng hồ đo: -0.011 MPa) hoặc thấp hơn.

Chức năng phát hiện áp suất gas thấp

Việc giám sát gas hiệu quả giúp giảm bớt nhân công cần thiết cho vận hành, bảo trì và sửa chữa.

Thoát nước dễ dàng

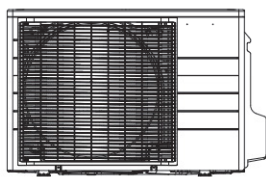
Cấu trúc khung đáy giúp nước chảy dễ dàng



Chân đế lắp đặt cao hơn so với model hiện tại

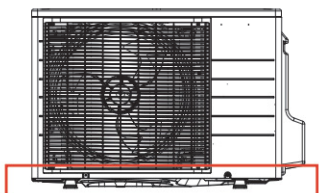
Series RZF

Hiện tại



595 mm

MỚI RZF50/60/71DVM



608 mm

Tái sử dụng đường ống hiện tại: Bảng kích cỡ ống môi chất lạnh

Dàn nóng		Kích cỡ ống hiện tại (Lông / Hơi)		6.4 / 12.7	6.4 / 15.9	9.5 / 12.7	9.5 / 15.9	9.5 / 19.1	12.7 / 15.9	12.7 / 19.1	Độ chênh lệch	Áp suất thiết kế (Áp suất cao)
RZF 50-71 DVM	9.5 / 15.9	Điều kiện	■	▲	■	◎	×	×	△	×		
		Chiều dài ống tối đa	10m*	10m*	50m	50m	-----	-----	25m	-----	Tối đa 30m	4.17MPa
		Chiều dài ống đã nạp MCL	10m	10m	30m	30m	-----	-----	15m	-----		
RZF 71 DYM	9.5 / 15.9	Điều kiện	■	▲	■	◎	○	△	△	△	Tối đa 30m	4.17MPa
		Chiều dài ống tối đa	10m*	10m*	50m	50m	50m	25m	25m	25m		
		Chiều dài ống đã nạp MCL	10m	10m	30m	30m	30m	15m	15m	15m		

Dàn nóng		Kích cỡ ống hiện tại (Lông / Hơi)		6.4 / 12.7	6.4 / 15.9	9.5 / 12.7	9.5 / 15.9	9.5 / 19.1	12.7 / 15.9	12.7 / 19.1	Độ chênh lệch	Áp suất thiết kế (Áp suất cao)
RZA 50/60D	9.5 / 15.9	Điều kiện	■	▲	■	◎	×	×	×	×		
		Chiều dài ống tối đa	10m*	10m*	50m	50m	-----	-----	-----	-----	Tối đa 30m	4.17MPa
		Chiều dài ống đã nạp MCL	10m	10m	30m	30m	-----	-----	-----	-----		
RZA 71-140D	9.5 / 15.9	Điều kiện	■	▲	■	◎	○	△	△	△	Tối đa 30m	4.17MPa
		Chiều dài ống tối đa	10m*	10m*	75m	75m	75m	35m	35m	35m		
		Chiều dài ống đã nạp MCL	10m	10m	30m	30m	30m	15m	15m	15m		

- ◎ Kích cỡ ống tiêu chuẩn
- Cùng điều kiện với ống tiêu chuẩn
- △ Chiều dài ống và chiều dài ống đã được nạp sẵn môi chất lạnh ngắn hơn nhiều
- ▲ Chiều dài ống và chiều dài ống đã được nạp sẵn môi chất lạnh ngắn hơn nhiều
- Công suất lạnh thấp hơn (lưu ý đến chiều dài ống)
- ×
- Không được phép sử dụng lại đường ống hiện tại

★ Chiều dài ống tối thiểu cho phép là 5m.

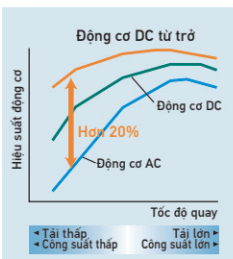
- Xem hướng dẫn lắp đặt để biết thêm chi tiết ngoài những thông số để cập ở bảng bên trái như lượng môi chất lạnh cần nạp thêm.
- Làm sạch đường ống hiện tại nếu độ dài quá 30m.
- Làm sạch đường ống hiện tại nếu chiều dài đường ống hiện tại vượt quá giới hạn đường ống đã được nạp sẵn môi chất lạnh để thực hiện thu hồi môi chất lạnh.

Công nghệ tiết kiệm năng lượng

Máy nén hiệu suất cao để đạt COP cao

1 Máy nén xoắn ốc DC từ trở

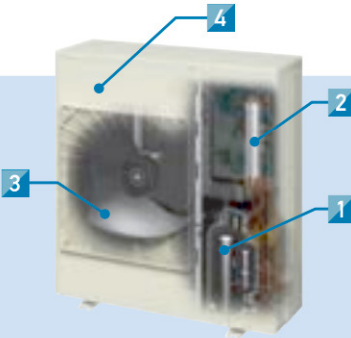
Các model Inverter DC của Daikin được trang bị máy nén xoắn ốc DC từ trở. Máy nén xoắn ốc DC từ trở sử dụng 2 loại mô-men khác nhau, nham châm neodym*1 và mô-men từ trở*2. Động cơ này có thể tiết kiệm năng lượng vì nó tạo ra nhiều năng lượng hơn với công suất điện nhỏ hơn so với động cơ AC hoặc DC trước đó.



Lưu ý: Dữ liệu dựa trên kết quả nghiên cứu trong điều kiện có kiểm soát tại phòng thí nghiệm của Daikin.

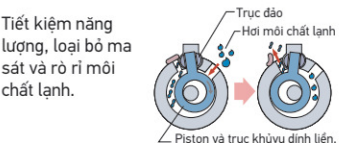


- *1. Nam châm Neodym mạnh gấp 10 lần so với nam châm Ferrite tiêu chuẩn.
- *2. Mô-men được tạo ra do sự thay đổi năng lượng giữa sắt và các bộ phận của nam châm.



Máy nén Swing

Hiệu suất cao trong vận hành bán tải.

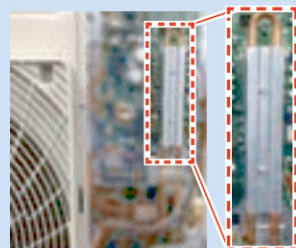


2 Làm mát bằng môi chất lạnh

(RZF100-140, RZF71DYM, RZA71-140, RZFC71-140EY1)

Hệ thống làm mát bằng môi chất lạnh độc quyền của Daikin mang lại hiệu suất làm mát cao ngay cả khi nhiệt độ ngoài trời cao.

Làm mát bằng môi chất lạnh giúp bảo vệ bản mạch và duy trì công suất lạnh cao ngay cả khi nhiệt độ ngoài trời cao.



3 Quạt

Cánh quạt có mặt cắt hình chữ V

(RZF50-71, RZF100C, RZA50/60, RZFC35-100)

Việc sử dụng cánh quạt có mặt cắt hình chữ V mô phỏng hiệu suất hoạt động của cánh loài thiên nga, điều này giúp cho lưu lượng gió đều và không bị thất thoát.



Cánh quạt có mặt cắt hình chữ V



Mô phỏng cánh của loài thiên nga

4 Công suất ngưng tụ cao với dàn trao đổi nhiệt Microchannel

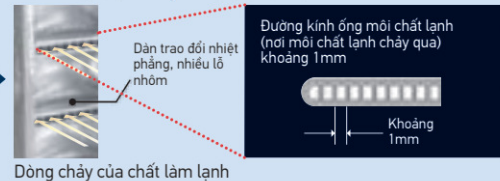
Giảm sức cản của gió Các ống của dàn tản nhiệt được làm phẳng giúp cải thiện lưu lượng gió và tăng hiệu suất truyền nhiệt.

Ống và dàn tản nhiệt thông thường



Dòng chảy của chất làm lạnh

Dàn trao đổi nhiệt Microchannel

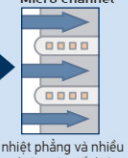


Dòng chảy của chất làm lạnh

Dàn trao đổi nhiệt thông thường



Dàn trao đổi nhiệt Micro channel



Sử dụng các ống trao đổi nhiệt phẳng và nhiều lỗ để gia tăng diện tích tản nhiệt giúp tiết kiệm năng lượng.

Thiết Bị Lọc Khí UV Streamer

(Tùy chọn)

Series FCF

Áp dụng khi sử dụng Mặt nạ tiêu chuẩn (Trắng sáng), Mặt nạ tiêu chuẩn có cảm biến (Trắng sáng), và Mặt nạ lưới tự động.*7,8,9

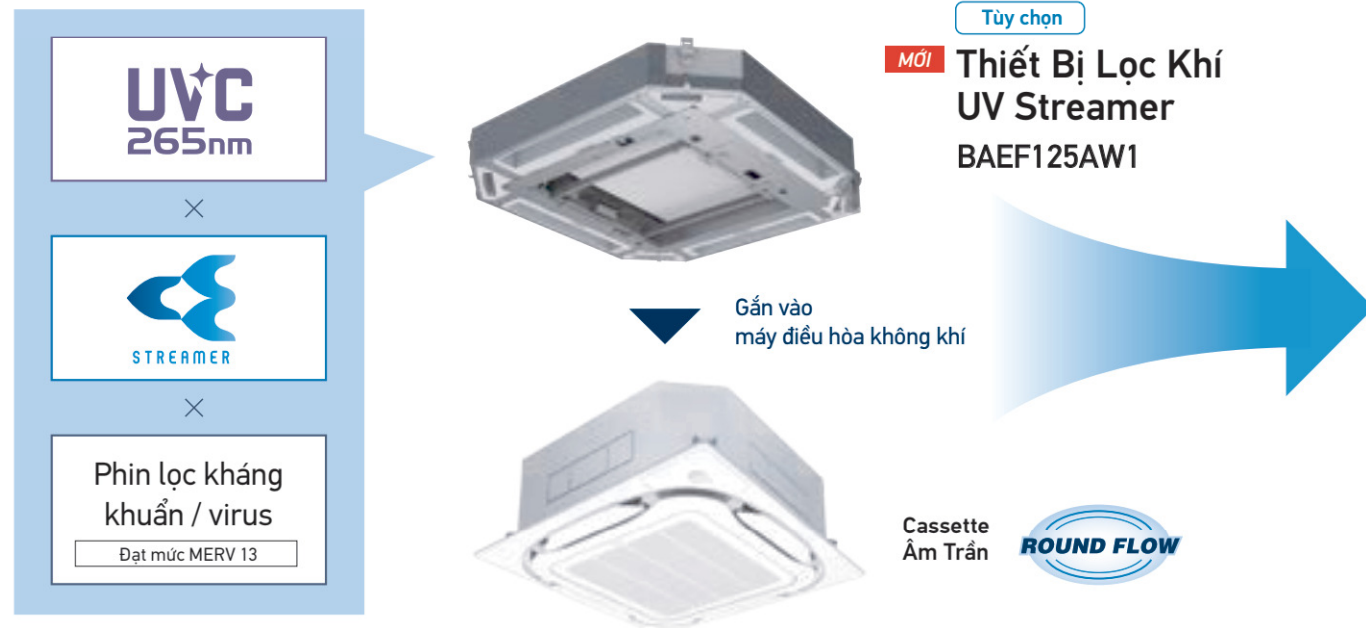


Video tại trang YouTube chính thức của Daikin.

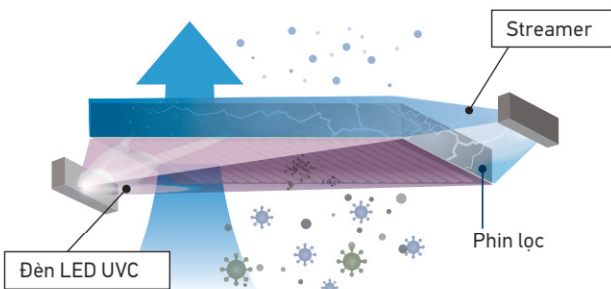
Dễ dàng kết nối với máy điều hòa để lọc và làm sạch không khí.

Kết hợp ba công nghệ lọc khí của DAIKIN

Vô hiệu hóa vi khuẩn*1 và ngăn chặn virus*2 bị giữ lại trong phin lọc.

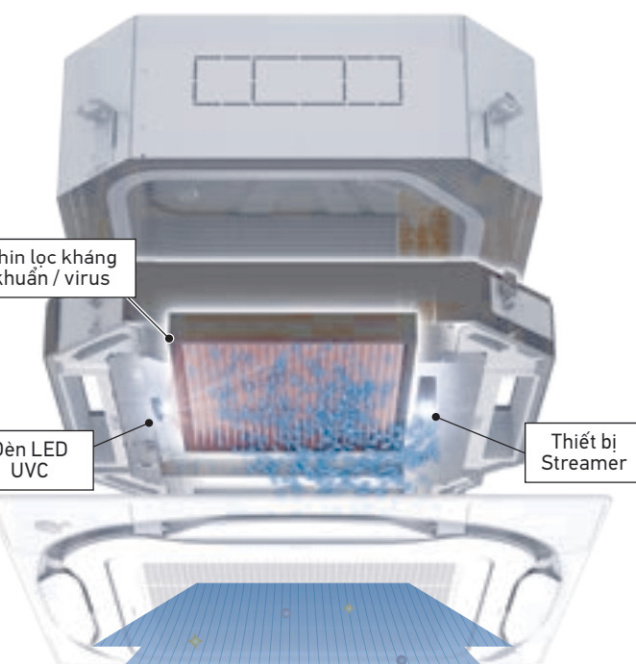
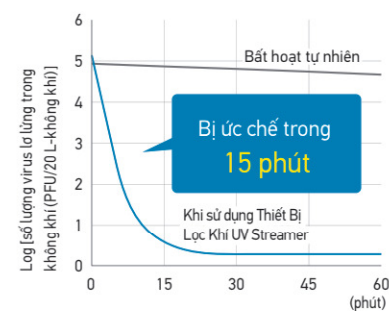


Vô hiệu hóa 99% vi khuẩn*1 và ức chế virus*2 bám trên phin lọc chỉ trong 30 phút.*5



Virus*3 và vi khuẩn lơ lửng trong không khí*4 bị ức chế hơn 99% trong 15 phút.*6

Sự thay đổi về số lượng virus trong không khí trong không gian thử nghiệm



• Lưu lượng gió lớn của Cassette Round Flow mang lại không khí sạch đến mọi góc trong phòng.



• Ngay cả trong khoảng thời gian giữa những lần chạy lạnh, không khí có thể được làm sạch bằng hoạt động của quạt.
• Có thể được lắp đặt thêm vào các hệ thống hiện có.



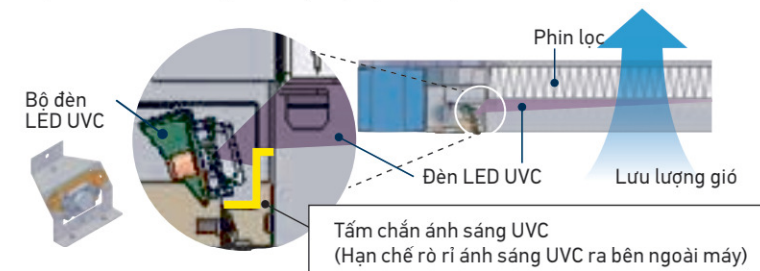
Thiết Kế An Toàn

Thiết bị có thiết kế an toàn giúp ngăn chặn sự rò rỉ tia cực tím ra bên ngoài thiết bị.

< Sản phẩm này tuân theo IEC60335-2-40.>

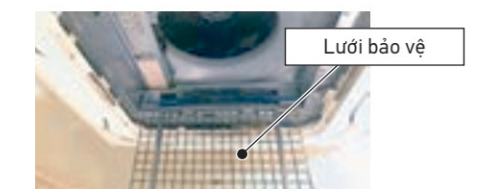
1. Hình dạng độc đáo ngăn chặn ánh sáng

Một tấm chắn ánh sáng UVC được lắp đặt dưới bộ đèn LED UVC.



2. Dừng chiếu xạ bằng công tắc an toàn

Để bảo vệ tay khỏi khu vực chiếu tia UV, người ta sử dụng lưới bảo vệ. Khi lưới bảo vệ được tháo ra, công tắc an toàn sẽ dừng chiếu xạ UVC.



Công Nghệ

Đèn LED UV sâu (UVC)

Tia UV là ánh sáng vô hình có bước sóng từ 10 đến 400 nm (nanomet) và bước sóng ngắn từ 100 đến 280 nm được gọi là "tia UV sâu (UVC)". Đặc biệt, chúng tôi đã sử dụng "đèn LED tia UV sâu (UVC)" cho bộ lọc khí, chiếu tia UV có bước sóng khoảng 265 nm có tác dụng khử trùng cao.



Phin lọc kháng khuẩn / virus

Lớp lọc bụi thô trên bề mặt và lớp lọc Kháng khuẩn / Kháng virus ở phía sau.



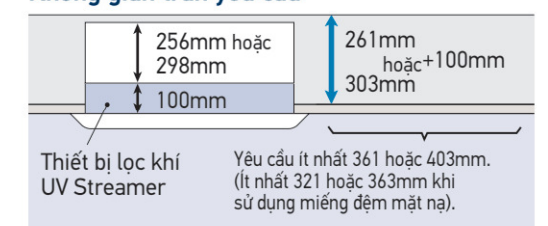
Công nghệ Streamer

Xem trang 30

Streamer, một loại phóng điện plasma, có tác dụng vô hiệu hóa các chất hóa học độc hại. Sức mạnh vô hiệu hóa tương đương với năng lượng nhiệt khoảng 100.000°C.*

*So sánh quá trình vô hiệu hóa oxy hóa. Điều này không có nghĩa là nhiệt độ sẽ tăng cao.

Không gian trần yêu cầu



Lưu ý:				
	*1	*2	*3	*4
Tổ chức thử nghiệm	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	Shokukanken Inc.	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản
Số thử nghiệm	21051979001-0201	217500N	2021_0375	21051979001-0101
Phương pháp thử nghiệm	Một mẫu thử được gắn và cấy chất lỏng vi khuẩn ở phía trước của phin lọc được lắp vào thiết bị. Quá trình vận hành được thực hiện trong không gian thử nghiệm kín có thể tích 25m³, và số lượng vi khuẩn sống được đếm sau 30 phút.	Một mẫu thử được gắn và cấy chất lỏng virus ở phía trước của phin lọc được lắp vào thiết bị. Quá trình vận hành được thực hiện trong không gian thử nghiệm kín có thể tích 25m³, và sự lây nhiễm virus được đo sau 30 phút.	Hiệu quả ngăn chặn virus trong không khí được đánh giá dựa trên Tiêu chuẩn của Hiệp hội các nhà sản xuất điện tử Nhật Bản (JEM1467) trong không gian thử nghiệm kín có thể tích 25m³.	Thử nghiệm đánh giá hiệu quả được thực hiện theo tiêu chuẩn tự nguyện của Hiệp hội các nhà sản xuất điện tử Nhật Bản (HD-133) trong không gian thử nghiệm kín có thể tích 25m³.
Đối tượng thử nghiệm	Một loại vi khuẩn	Một loại vi khuẩn	Một loại vi khuẩn	Một loại vi khuẩn lơ lửng
Kết quả thử nghiệm	Giảm hơn 99% sau 30 phút.	Giảm hơn 99% sau 30 phút.	Giảm hơn 99% sau 15 phút so với bất hoạt tự nhiên.	Giảm hơn 99% sau 15 phút.
Thiết bị thử nghiệm	Thiết bị lọc khí UV Streamer	BAEF55D160 (model Nhật Bản), model tương đương với BAEF125AW1		
	Dàn lạnh	FHCP160EM (model Nhật Bản), model tương đương với FCA140C / FXF(S)Q140A. Lưu lượng gió: Cao		
	Mặt nạ trang trí	BYCP160EAF (model Nhật Bản), model tương đương với BYCQ125EAF		

*5 Hiệu quả xảy ra trong không gian thử nghiệm kín có thể tích 25 m³ sau 30 phút hoạt động và không phải là kết quả thử nghiệm trong không gian hoạt động thực tế.

*6 Hiệu quả xảy ra trong không gian thử nghiệm kín có thể tích 15 m³ sau 30 phút hoạt động và không phải là kết quả thử nghiệm trong không gian hoạt động thực tế.

*7 Tùy chọn này không áp dụng với Mặt nạ thiết kế, Mặt nạ tiêu chuẩn (Đen), Mặt nạ tiêu chuẩn có cảm biến (Đen), vật liệu chắn miệng gió, bộ cách nhiệt cho độ ẩm cao, và bộ/phin lọc yêu cầu khoảng (Bổ nạp gió tươi loại khoáng, phin lọc hiệu suất cao, phin lọc siêu bền, khoáng nổi ống gió nhánh).

*8 Tùy chọn này không thể áp dụng khi luồng gió thổi 2 hướng và 3 hướng bằng cách sử dụng vật liệu chắn miệng gió.

*9 Tùy chọn này không áp dụng cho ứng dụng trần cao.

Chức Năng Lọc Khí Streamer

Series RZF

Series RZA

Giới thiệu công nghệ Streamer cho dàn lạnh SkyAir

Công nghệ Daikin Streamer nâng cao hiệu quả tối đa trong việc làm sạch, sử dụng các đặc tính phân hủy mạnh mẽ để phân hủy các chất được giữ lại bởi bộ lọc mang lại chất lượng không khí tốt hơn.

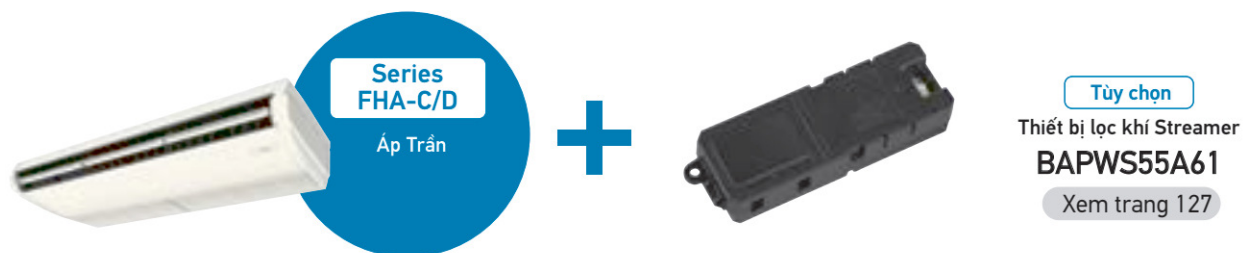
Thiết bị lọc khí Streamer sẽ chiếu xạ Streamer khi hoạt động của quạt và máy điều hòa không khí dừng. Streamer diệt khuẩn bên trong cabin và diệt khuẩn bộ lọc

Chú ý:
Chức năng Streamer chỉ hoạt động khi quạt và máy điều hòa không khí ngưng hoạt động.
Thời gian hoạt động tối đa của Streamer là 180 phút mỗi ngày.

Thiết bị lọc khí Streamer được tích hợp sẵn bên trong dàn lạnh



Tùy chọn thiết bị lọc khí Streamer



Chỉ có thể kết nối bộ điều khiển từ xa BRC1H63W(K) để BẬT/TẮT hoạt động của bộ phát Streamer.

*Bắt buộc cài đặt tại công trình (mặc định: TẮT)



*1. Luồng gió tuần hoàn không có sẵn với tùy chọn này.

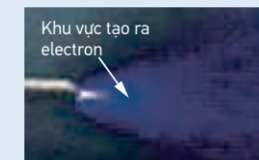
*2. Series này không thể áp dụng với vật liệu làm kín miệng gió, buồng nối ống gió nhánh, thiết bị lọc khí UV Streamer, và bộ điều khiển từ xa khác ngoài BRC1H63W(K).

Công Nghệ Streamer

Streamer, một loại phóng điện plasma, có tác dụng vô hiệu hóa các chất hóa học độc hại.

Sức mạnh vô hiệu hóa tương đương với năng lượng nhiệt khoảng 100.000°C¹

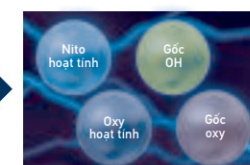
Lưu ý: *1. So sánh quá trình vô hiệu hóa oxy hóa. Điều này không có nghĩa là nhiệt độ sẽ tăng cao.



Cơ chế vô hiệu hóa của Streamer



Streamer phát ra các electron tốc độ cao.



Các electron va chạm và kết hợp với nitơ và oxy trong không khí để tạo thành 4 loại phân tử vô hiệu hóa với sức mạnh vô hiệu hóa.

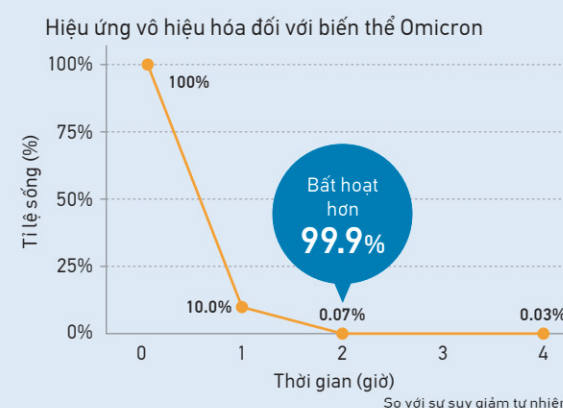


Các phân tử vô hiệu hóa tạo ra sức mạnh vô hiệu hóa.

Vô hiệu hóa 99,93% biến thể Omicron trong 2 giờ

Kết quả thử nghiệm

Chiếu xạ với phóng điện Streamer trong 2 giờ làm bất hoạt 99.93% và trong 4 giờ bất hoạt 99.97% biến thể Omicron của vi-rút corona (SARS-CoV-2), khi so sánh với không phóng xạ Streamer.



Phương pháp thử nghiệm

Chủng hCoV-19/Nhật Bản/TY38-873/2021 (biến thể Omicron) đã được sử dụng. Hai hộp acrylic khoảng 31L được đặt trong tủ an toàn trong dụng cụ BSL-3 và thiết bị phóng điện Streamer được lắp vào một trong hai hộp acrylic. Cả hai hộp đều đặt máy lắc với đĩa 6 giếng và 0,5ml dung dịch vi rút cho vào mỗi giếng của đĩa. Chiếu xạ Streamer được thực hiện trên một đĩa 6 giếng trong khi khuấy bằng máy lắc bậc bệnh. Sau 1, 2 và 4 giờ, dung dịch vi rút được giữ lại và hiệu giá vi-rút được đo bằng phương pháp TCID50 sử dụng tế bào Vero E6/TMPRSS2.

Tổ chức thử nghiệm

Giáo sư Tatsuo Shioda, Khoa Nhiễm vi-rút, Viện Nghiên cứu Bệnh vi sinh vật, Đại học Osaka.

*Kết quả này thu được bằng cách sử dụng thiết bị phóng điện Streamer để thử nghiệm trong điều kiện phòng thí nghiệm. Hiệu quả của các sản phẩm được trang bị công nghệ Streamer hoặc kết quả trong môi trường sử dụng thực tế có thể khác nhau.

Quét mã để biết chi tiết
Viên nghiên cứu
DAIKIN Streamer



Streamer phân hủy nấm mốc và ve (thân và xác) và ngăn chặn các nguyên nhân gây dị ứng.

Tình trạng nấm mốc

Hình ảnh nấm mốc



Phương pháp thử nghiệm

"Nấm mốc" được đặt trên các điện cực của bộ phóng điện Streamer, nơi chúng được tiếp xúc với bộ phóng điện Streamer trong 15 phút và được chụp ảnh bằng kính hiển vi điện tử.

Tổ chức thử nghiệm

Thử nghiệm trình diễn đã được thực hiện tại Đại học Y Wakayama.

Tại sao là Daikin Streamer?

Được cơ quan nhà nước công nhận là công nghệ sạch

Giành được Giải thưởng Tiến bộ năm 2005,
Viện Tinh điện Nhật Bản

Được trao giải thưởng cho sự phát triển của máy lọc không khí gia đình sử dụng phóng điện DC Streamer.

Nhận được 105 bằng sáng chế

Bằng sáng chế có được liên quan đến công nghệ Streamer

Stylish Remote Controller (Điều Khiển Từ Xa Có Dây Thời Trang)

BRC1H63W/K



BRC1H63W(Trắng)



BRC1H63K(Đen)

Series RZF

Series RZA

*SeriesFCTF, FCF, FBA và FHA.



Website của Điều khiển từ xa BRC1H

Thiết Kế Kiểu Dáng Thời Trang

Giống như sự hoàn hảo mà thiết kế tròn mang lại, bộ điều khiển từ xa cho phép bạn kiểm soát không khí tối ưu trong không gian của mình.

Giao Diện Thân Thiện Với Người Dùng

Bộ điều khiển từ xa mới kết hợp nhiều tính năng và sự đơn giản. Điều khiển nút cảm ứng tối giản phòng to màn hình điều này giúp bộ điều khiển từ xa trở nên dễ dàng và thú vị khi sử dụng.



ỨNG DỤNG DAIKIN cho Người Lắp Đặt

Đơn giản hóa các cài đặt nâng cao như là cài đặt tại công trình và cài đặt các giới hạn nhiệt độ.

- Giao diện trực quan đơn giản hóa các đặt nâng cao như kích hoạt tiết kiệm năng lượng, hạn chế cài đặt, v.v.
- Vận hành dễ dàng và nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người lắp đặt.
- Có công nghệ Bluetooth tiết kiệm năng lượng.



*Apple iOS 16, Android 13.



Quản Trị Hữu Ích / Cài Đặt Nhanh Hơn và Dễ Dàng Hơn

Ứng dụng điện thoại được kết nối với bộ điều khiển này cung cấp 2 chế độ, Chế độ chủ sở hữu / chế độ quản trị viên và chế độ người cài đặt (không có chế độ người dùng).^{*1}

Chế độ Chủ sở hữu / Quản trị viên cung cấp những cài đặt

- Cài đặt duy trì
- Cài đặt giới hạn nhiệt độ
- Khoá chức năng v.v.

Chế độ người cài đặt giúp cài đặt nhanh hơn và

- Thiết lập nhiều cài đặt cùng một lúc
- Lưu và sử dụng lại cài đặt v.v.



*Bluetooth tiết kiệm năng lượng 4.2.

Chức năng Streamer

Cài đặt BẬT/TẮT Streamer và biểu tượng trạng thái có sẵn.

- Chức năng Streamer (cài đặt chống ẩm mốc) có thể cài đặt BẬT/TẮT bằng cách cài đặt trước với bộ điều khiển từ xa.

Chức năng mới tiện lợi

- Hẹn giờ TẮT: Khoảng thời gian có thể được cài đặt trước từ 1 đến 96 giờ trong khoảng thời gian 1 giờ.
- Cài đặt thời gian hẹn trong tuần
- OTA (Truyền dẫn không dây): Cập nhật phần mềm điều khiển hoặc hệ thống được BẬT bằng nút BẬT/TẮT.
- Zigbee™ sensor interlocking

Chức năng duy trì nhiệt độ (Setback)

Duy trì nhiệt độ phòng trong một phạm vi cụ thể khi TẮT hệ thống (bởi người dùng hoặc hẹn giờ TẮT). Để đạt được điều này, hệ thống tạm thời chạy ở chế độ vận hành Làm lạnh hoặc Sưởi, tùy theo nhiệt độ cài đặt ngược và chênh lệch thu hồi.

Hoạt động làm lạnh

- Nhiệt độ cài đặt ngược có thể cài đặt từ giới hạn trên của điểm cài đặt +1°C đến 35°C.

Ví dụ: Khi nhiệt độ giới hạn trên được cài đặt ở 27°C bằng chức năng cài đặt giới hạn nhiệt độ, Nhiệt độ cài đặt ngược có thể chọn từ 28°C đến 35°C.

- Chênh lệch thu hồi có thể được thiết lập lên tới -8°C từ nhiệt độ cài đặt ngược.

Hoạt động sưởi

- Nhiệt độ cài đặt ngược có thể được cài đặt từ giới hạn dưới của điểm cài đặt -1°C đến 5°C.

Ví dụ: Khi nhiệt độ giới hạn dưới được đặt ở 15°C bằng chức năng cài đặt giới hạn nhiệt độ, Nhiệt độ cài đặt ngược có thể chọn từ 14°C đến 5°C.

- Chênh lệch thu hồi có thể được thiết lập lên tới +8°C từ nhiệt độ cài đặt ngược.

- Cài đặt ngược BẬT hệ thống trong ít nhất 30 phút, trừ khi nhiệt độ cài đặt lại bị thay đổi hoặc hệ thống được BẬT bằng nút BẬT/TẮT.

Lưu ý: *1 Chế độ người lắp đặt yêu cầu mã QR dành riêng để khởi động. Liên hệ với văn phòng kinh doanh Daikin của bạn.

Navigation Remote Controller (Điều khiển từ xa điều hướng, loại có dây)

BRC1E63

Vận hành dễ dàng và trơn tru, chỉ cần làm theo các chỉ dẫn trên bộ navigation remote controller.



Series RZF

Series RZA

Series FFFC

*Series FCTF, FCF, FBA, FVA, FHA và FFFC.

Tiết kiệm năng lượng

Tự động trở về nhiệt độ cài đặt

- Ngay cả khi nhiệt độ cài đặt bị thay đổi, nhiệt độ cài đặt mới sẽ trở về giá trị đặt trước của trước đó sau một khoảng thời gian đặt trước.
- Khoảng thời gian có thể lựa chọn từ 30, 60, 90 hoặc 120 phút.

Hẹn giờ TẮT (được lập trình)

- Đặt và lưu cài đặt trong khoảng thời gian tự động TẮT máy điều hòa không khí sau một khoảng thời gian đặt trước cho mỗi lần bắt đầu hoạt động.
- Khoảng thời gian có thể được cài đặt trước từ 30 đến 180 phút với gia số 10 phút.

Giới hạn nhiệt độ cài đặt

- Tiết kiệm năng lượng bằng cách giới hạn nhiệt độ cài đặt tối thiểu và tối đa.
- Tránh sưởi ấm hoặc làm lạnh quá mức.
- Chức năng này rất tiện lợi nếu bộ điều khiển từ xa được cài đặt ở nơi bất kỳ ai cũng có thể thay đổi cài đặt.

Tiện nghi

Lập lịch hàng tuần

- 5 hành động mỗi ngày có thể được lên lịch cho mỗi ngày trong tuần.
- Chức năng ngày lễ sẽ tắt hẹn giờ lên lịch cho những ngày đã được đặt là ngày nghỉ.
- Có thể thiết lập 3 lịch trình độc lập (ví dụ: mùa hè, mùa đông, giữa mùa)

Duy trì nhiệt độ (mặc định: TẮT)

- Duy trì nhiệt độ phòng trong một phạm vi cụ thể trong thời gian không có người sử dụng bằng cách khởi động tạm thời máy điều hòa không khí đã được TẮT.

Giám sát tiêu thụ năng lượng^{*1,2,3,4}

- Có thể kiểm tra mức tiêu thụ điện năng trong quá khứ cho ngày hiện tại và trước đó (khoảng thời gian 2 giờ), tuần (khoảng thời gian 1 ngày) và năm (khoảng thời gian 1 tháng).

Lưu ý:

- ^{*1} Tính khả dụng của chức năng này có thể thay đổi tùy theo kiểu máy (giới hạn ở một phần chức năng)
- ^{*2} Căn cài đặt thời gian.
- ^{*3} Không thể sử dụng chức năng này trong khi điều khiển nhóm.
- ^{*4} Đây là giá trị tham chiếu để so sánh và không dùng làm giá trị phục vụ mục đích kiểm kê tính toán hóa đơn tiền điện hoặc hợp đồng mua bán điện. Vì đây là một phép tính tiêu thụ điện năng đơn giản nên có những trường hợp giá trị tính toán khác với kết quả đo của đồng hồ đo điện.

BRC2E61

Chọn chế độ hoạt động

Lưu lượng gió (Tốc độ quạt)



Nút Bật/Tắt

Điều chỉnh nhiệt độ (+/-)

Hướng thổi gió

Series RZFC

*Series FCFC, FFFC, FBFC, FDLF và FHFC.

Vận hành đơn giản

Chỉ cần sử dụng 6 phím, người dùng có thể điều khiển trực tiếp các chức năng cơ bản. Điều này cho phép người dùng tự điều chỉnh sự thoải mái theo nhu cầu.

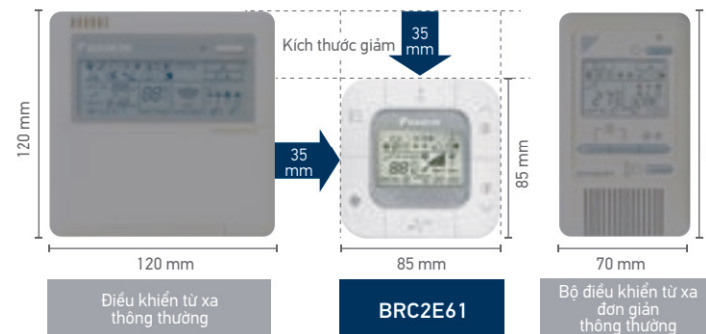
Thiết kế trực quan

Bằng cách sử dụng hình ảnh trực quan, giao diện thân thiện với người dùng cho phép:

- Khách nước ngoài tại khách sạn dễ dàng hiểu các chức năng mà không cần biết ngoại ngữ.
- Trẻ em và người già ở nhà dễ dàng điều chỉnh mà không cần phải đọc các lệnh khó nhìn, khó hiểu.

Nhỏ gọn

Kích thước chỉ 85 x 85 mm, bộ điều khiển từ xa mới cực kỳ nhỏ gọn và phù hợp cho mọi thiết kế nội thất.



Điều Khiển Từ Xa Không Dây



BRC7M635F



Bộ nhận tín hiệu
(dùng cho dàn lạnh
cassette âm trần)

- Điều khiển từ xa cung cấp kèm theo bộ nhận tín hiệu.
 - Bộ nhận tín hiệu lắp trong mặt nạ trang trí hoặc dàn lạnh.
 - Hình dạng của bộ nhận tín hiệu sẽ thay đổi tùy thuộc vào dàn lạnh.
- Lưu ý: Bộ nhận tín hiệu trong hình bên là loại gắn trong mặt nạ trang trí của dàn cassette âm trần.

- Điều khiển từ xa không dây có đèn nền



Ấn nút đèn nền giúp thao tác
dễ dàng trong phòng tối.

Điều khiển từ xa không dây dành cho các loại dàn lạnh khác nhau



		Một chiều lạnh	Hai chiều
INVERTER	CASSETTE ÂM TRẦN	BRC7M635F(K) (Series FCF) BRC7F635F (Series FCFC) ARC485A7 (Series FCFG)	BRC7M634F(K) (Series FCF)
	CASSETTE ÂM TRẦN 4 HƯỚNG THỔI NHỎ GỌN	BRC7M531W	_____
	GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH	BRC4C66	BRC4C65 (Chỉ series FBA)
	GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH THẤP - CHIỀU CAO NHỎ GỌN	BRC4C66	_____
	TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN	BRC4C66 (Series FVA) BRC52A62 (Series FVFC)	BRC4C65 (Series FVA)
	ÁP TRẦN	BRC7M56 (Series FHA) BRC7GA56 (Series FHFC)	BRC7M53 (Series FHA)
NON	LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN	BRC7F633F	_____
	LOẠI GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH THẤP / TRUNG BÌNH	BRC4C64	_____
	LOẠI ÁP TRẦN	BRC7NU66	_____

Điều khiển từ xa có dây được trang bị cảm biến nhiệt độ

- Cho phép cảm biến nhiệt độ gần hơn với khu vực mục tiêu để gia tăng sự dễ chịu. (Khi sử dụng điều khiển từ xa từ phòng khác, cần chọn cảm biến nhiệt độ trên miệng gió ra ở dàn lạnh)

Bảo trì và sửa chữa dễ dàng

- Các cài đặt ban đầu có thể thực hiện bằng điều khiển từ xa. Sau khi hoàn tất xây dựng nội thất, dàn lạnh cassette có thể được cài đặt từ xa, không cần sử dụng thang để tiếp cận với việc cài đặt bằng tay.
Các nội dung cài đặt: Trần cao, hướng gió, loại phin lọc, địa chỉ điều khiển trung tâm (địa chỉ điều khiển nhóm được cài đặt tự động).
- Điều khiển từ xa được trang bị với tên model và các tính năng hiển thị sự cố, thuận tiện hơn trong việc sửa chữa khi gặp sự cố.
*Tính năng hiển thị tên model của có ở BRC1E63 (Một số model hiển thị tên mã của model đó)

SkyAir sử dụng chung điều khiển với Thiết bị Thông gió thu hồi nhiệt và những máy điều hòa Daikin khác, giúp việc khóa lần trở nên thuận tiện.

- Dễ dàng phù hợp với các hệ thống điều khiển từ xa trung tâm, nhiều tính năng, quy mô lớn.
Lắp đặt và kết nối dây điều khiển giữa SkyAir và các thiết bị điều hòa khác của Daikin rất dễ dàng.

Màn hình LCD hiển thị trạng thái vận hành bằng chữ, số và hình động.

Hiển thị luồng gió/đảo gió	Hiển thị trạng thái vận hành đảo gió tự động và vị trí cài đặt cho góc thổi gió.
Hiển thị nhiệt độ/chế độ vận hành cài đặt trước	Hiển thị nhiệt độ trong phòng và trạng thái cài đặt trước (quạt, khử ẩm, làm lạnh).
Hiển thị thời gian lập trình	Có thể cài đặt thời gian khởi động và tắt máy cho mỗi bộ hẹn giờ trong vòng 72 giờ. Màn hình LCD cũng hiển thị thời điểm cần vệ sinh bộ lọc, khi thiết bị trung tâm đang thay đổi cài đặt và thời điểm cần vệ sinh hệ thống thông gió.
Chức năng tự động chẩn đoán	Kiểm soát trạng thái vận hành trong phạm vi hệ thống bao gồm 40 hạng mục và hiển thị cảnh báo khi hệ thống có sự cố.

Điều Khiển Simple Touch (Điều Khiển Trung Tâm)

MỚI DTP401A61



GOOD DESIGN
AWARD 2024



Bộ chuyển đổi được bán riêng:
Cần có DTP401A62.

Bộ điều khiển từ xa tất cả trong một

Các chức năng kết hợp của Bộ điều khiển từ xa trung tâm, Bộ điều khiển Bật/Tắt thống nhất và Bộ hẹn giờ.

Phong Cách Đa Diện

Thiết kế thanh lịch và tối giản, hòa hợp một cách liền mạch với nhiều phong cách nội thất khác nhau, từ văn phòng hiện đại đến không gian sống cao cấp.

Thiết kế trực quan

Dễ dàng điều hướng và vận hành bộ điều khiển với màn hình cảm ứng 8 inch.

Tính linh hoạt và khả năng thích ứng

Phù hợp với nhiều ứng dụng khác nhau trong các môi trường khác nhau.

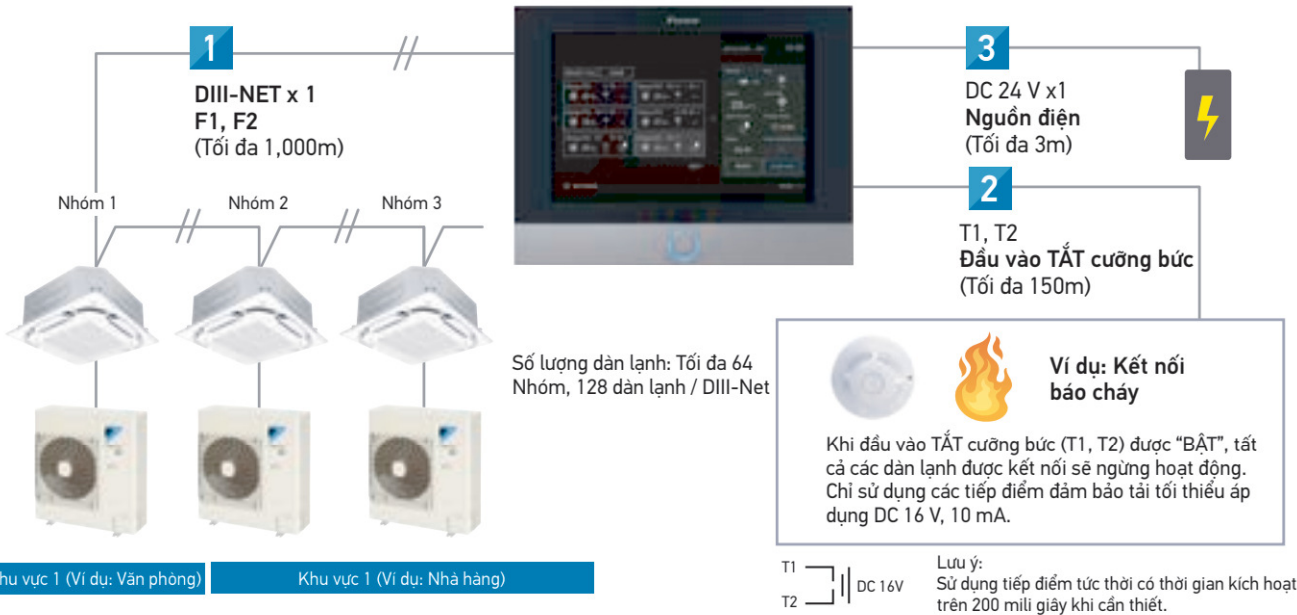
Daikin Eye

Thiết kế mang lại cảm giác thống nhất với Bộ điều khiển từ xa có dây thời trang và được sử dụng để bật/tắt màn hình.
Độ sáng có thể được cài đặt ở 3 mức (Tắt/Thấp/Cao).

Chức năng

Số lượng nhóm quản lý	DIII-Net x 1 Cổng 64 nhóm / 128 thiết bị
Điều khiển	Bật/Tắt
	Cài đặt nhiệt độ
	Thiết lập chế độ
	Chấp nhận / Từ chối điều khiển từ xa
	Cài đặt lưu lượng gió
	Cài đặt hướng gió
Giám sát	Lập lịch hàng tuần
	Trạng thái Bật/Tắt
	Lỗi
	Mã lỗi
	Tín hiệu phin lọc
Điều khiển khác	Trang thái quạt
	Tiết kiệm thời gian ban ngày
	Kiểm soát khu vực
	TẮT cường bức bởi yếu tố ngoại vi

Sơ đồ kết nối



CHỨC NĂNG

Tổng quan về các chức năng

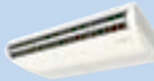
Inverter Tiêu Chuẩn

Series RZFC

Một chiều lạnh

		GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH		GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH THẤP CHIỀU CAO NHỎ GỌN	
Dàn lạnh		 FBFC40-140DVM		 FDLF40-85DV1	
Dàn nóng		RZFC40-100EVM RZFC71-140EY1		RZFC40-85EVM RZFC71/85EY1	
Điều khiển từ xa	Có dây	BRC2E61	————	BRC2E61	————
	Không dây	————	BRC4C66	————	BRC4C66

Tiết Kiệm Năng Lượng	1	Giám sát tiêu thụ điện năng			
	2	Chế độ cảm biến dừng			
	3	Chế độ cảm biến tốc độ thấp			
	4	Tự động hiển thị TẮT			
	5	Tự động trở về điểm cài đặt			
	6	Cài đặt biên độ			
	7	Hẹn giờ TẮT (đã lập trình)			
	8	Hẹn giờ lập lịch hàng tuần			
	9	Hẹn giờ BẬT/TẮT	●	●	●
Tiện Nghi	10	Luồng gió tuần hoàn			
	11	Duy trì nhiệt độ cài đặt			
	12	Khởi động nhanh			
	13	Điều khiển luồng gió độc lập			
	14	Cảm biến hiện diện người hồng ngoại			
	15	Cảm biến sàn hồng ngoại			
	16	Luồng gió tự động (thổi trực tiếp, tránh gió lùa)			
	17	Đảo gió tự động			
	18	Lựa chọn kiểu đảo gió			
	19	Chức năng ngăn gió lùa (chiều xuôi)			
	20	Động cơ quạt DC (Dàn lạnh)			
	21	Tốc độ quạt có thể điều chỉnh	● 3 tốc độ	● 3 tốc độ	● 3 tốc độ
	22	Điều chỉnh lượng gió tự động			
	23	Chế độ quạt tốc độ cao			
	24	Hai bộ cảm biến nhiệt tùy chọn *1		●	●
	25	Ứng dụng cho trần nhà cao			
	26	Khởi động nóng			
	27	Ứng dụng làm lạnh quanh năm			
	28	Vận hành êm vào ban đêm *2			
Vệ Sinh	29	Thiết bị lọc không khí Streamer			
	30	Phin lọc kháng khuẩn		▲	
	31	Phin lọc chống mốc			●
	32	Máng nước xả có chứa ion bạc kháng khuẩn		●	
Vận Hành & Bảo Trì	33	Mặt nạ lưới tự động			
	34	Hệ thống bơm nước xả		▲	
	35	Môi chất lạnh nạp sẵn lên đến 10/15 m *2		●	●
	36	Phin lọc siêu bền		▲	
	37	Tín hiệu phin lọc			●
	38	Phát hiện áp suất gas thấp *2		●	●
	39	Vận hành trong trường hợp khẩn cấp		●*5	●*5
	40	Chức năng tự chẩn đoán		●	●
	41	Hiển thị liên lạc về dịch vụ			
Điều Khiển	42	Tự khởi động lại		●	●
	43	Tự động chuyển đổi chế độ làm lạnh/sưởi			
	44	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa *3		●	●
	45	Điều khiển nhóm bằng 1 bộ điều khiển từ xa		●	
	46	Khóa liên động thiết bị ngoại vi			
	47	Tín hiệp ngoại vi TẮT cưỡng bức và vận hành BẬT/TẮT		●	
	48	Khóa liên động chia khóa tử và cửa chính/ cửa sổ			
	49	Điều khiển theo lệnh ngoại vi *4		▲	
	50	Điều khiển trung tâm từ xa		●	
	51	Điều khiển khóa liên động với HRV		●	●
	52	Tiêu chuẩn giao tiếp DIII-NET		●	
Tùy Chọn	53	Thiết bị lọc khí UV Streamer			
	54	Phin lọc hiệu suất cao		▲	
	55	Phin lọc tuổi thọ cao			
	56	Phin lọc hiệu suất cao MERV 8			
	57	Bộ nạp gió tươi			

ÁP TRẦN		TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN	
 FHFC40-140EV1		 FVFC71-140AV1	
RZFC40-100EVM RZFC71-140EY1		RZFC71-100A(G)V19 RZFC125-140AY19	
BRC2E61	————	BRC51D61	————
————	BRC7GA56	————	BRC52A62

1			
2			
3			
4			
5			
6			
7		●	
8		●	
9	●	●	●
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17	●	●	● Trái - Phải
18			
19			
20	●		
21	● 3 tốc độ	● 3 tốc độ	● 3 tốc độ
22	●		
23			
24	●	●	
25	● 3.5m / 4.3m	● 3.5m / 4.3m	
26			
27			
28			
29			
30	●		
31		●	
32			
33			
34	▲		▲
35	●		
36	●		
37		●	
38	●		
39	●*5		
40	●	●	●
41			
42	●	●	
43			
44	●	●	●
45	●	●	●
46			
47	●		
48			
49	▲		
50	●		
51	●	▲	
52	●		
53			
54			
55			
56			
57			

Lưu ý: ●: Chức năng có sẵn.
▲: Chức năng tùy chọn.

*1: Áp dụng khi sử dụng điều khiển có dây.
*2: Áp dụng cho các dàn nóng.
*3: Các kết hợp có sẵn được hiển thị trong bảng *3.
*4: Cần bộ tiếp hợp nối dây cho thiết bị điện (và hộp lắp đặt).
*5: Chỉ áp dụng cho dàn nóng RZFC-EY1.

Bảng *3		Chính	
		Điều khiển từ xa	
		BRC1E63	BRC2E61
Phụ	Có dây	BRC1E63	●
		BRC2E61	●
	Không dây	BRC4C* BRC7C/E/F/G*	●
		BRC7M* BRC4M*	●

TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN

			71	85	100	125	140		
Tên Model	Dàn lạnh		FVFC71AV1	FVFC85AV1	FVFC100AV1	FVFC125AV1	FVFC140AV1		
	Dàn nóng		RZFC71AGV19	RZFC85AV19	RZFC100AV19	RZFC125AY19	RZFC140AY19		
Nguồn điện	Dàn lạnh		—————						
	Dàn nóng		1 Pha, 220-240V, 50Hz			3 Pha, 380-415V, 50Hz			
Công suất làm lạnh Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW	7.1 (3.2-8.0)	8.5 (4.2-9.1)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.3-13.6)	13.6 (5.3-14.4)		
		Btu/h	24,200 (10,900-27,300)	29,000 (14,300-31,000)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (18,200-46,500)	46,500 (18,200-49,000)		
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	kW	2.33	2.82	3.32	4.52	5.05		
COP		kW/kW	3.05	3.01		2.77	2.70		
CSPF		kWh/kWh	4.27	4.20	4.10	4.25	4.10		
Dàn lạnh	Màu sắc	Trắng							
	Lưu lượng gió (C/TB/T)	m³/phút	19.1 / 17.7 / 15		28.3 / 23.6 / 18.4		30.7 / 27.6 / 24.4		
		cfm	675 / 625 / 530		1,000 / 835 / 650		1,090 / 975 / 860		
	Độ ồn (C/TB/T)	dB(A)	44 / 42 / 39		47 / 44 / 41		49 / 47 / 44		
	Kích thước (CxRxĐ)	mm	1,850×600×270		1,850×600×350				
	Trọng lượng máy	kg	42		45				
	Dải hoạt động	°CWB			14 đến 28				
Dàn nóng	Màu sắc	Trắng ngà							
	Dàn tản nhiệt	Loại	Gold fin		Micro channel				
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín						
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)	kg	1.15 (Đã nạp cho 10 m)		0.95 (Đã nạp cho 15 m)		1.35 (Đã nạp cho 15 m)		
	Độ ồn	Làm lạnh	dB(A)	52		53		54	
	Kích thước (CxRxĐ)	mm	615×845×300		695×930×350		990×940×320		
	Trọng lượng máy	kg	37		40		62		
Ổng kết nối	Dải hoạt động	°CDB	21 đến 46						
	Lồng (Loe)	mm	Φ9.5						
	Hơi (Loe)	mm	Φ15.9						
	Nước xả	Dàn lạnh	mm	Φ19.1					
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị		m	30		50				
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt		m	15		30				
Cách nhiệt			Cả ống lỏng và ống hơi						

Lưu ý:
¹ Công suất lạnh danh định dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19.0°CWB; Nhiệt độ ngoài trời 35°CDB.
² Tất cả các đơn vị đang được thử nghiệm tuân thủ ISO515.
³ Mức áp suất âm thanh được đo trong buồng không dội âm. Trong quá trình vận hành thực tế, mức áp suất âm thanh sẽ cao hơn do điều kiện thông số kỹ thuật của phòng.

ÁP TRẦN (1 Pha)

			40	50	60	71	85	100			
Tên Model	Dàn lạnh		FHFC40EV1	FHFC50EV1	FHFC60EV1	FHFC71EV1	FHFC85EV1	FHFC100EV1			
	Dàn nóng		RZFC40EVM	RZFC50EVM	RZFC60EVM	RZFC71EVM	RZFC85EVM	RZFC100EVM			
Nguồn điện			Dàn nóng						1 Pha 220~240 / 220-230V, 50 / 60Hz		
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)			kW	4.0 (1.8-4.5)	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	8.5 (4.2-10.0)	10.0 (5.0-11.2)		
			Btu/h	13,600 (6,100-15,400)	17,100 (7,800-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	29,000 (14,300-34,100)	34,100 (17,100-38,200)		
Điện năng tiêu thụ		Làm lạnh ¹	kW	1.18	1.60	1.97	2.34	2.75	3.31		
COP			kW/kW	3.39	3.13	3.05	3.03	3.09	3.02		
CSPF			kWh/kWh	5.93	5.51	4.68	5.30	4.54	4.50		
Dàn lạnh	Màu sắc	Thiết bị	Trắng								
	Lưu lượng gió (C / TB / T)	m³/phút	15 / 12 / 10			20.5 / 17 / 14		28 / 24 / 20			
			530 / 424 / 353			724 / 600 / 494		988 / 847 / 706			
	Độ ồn³ (C / TB / T)		dB(A)	37 / 35 / 32			38 / 36 / 34		42 / 38 / 34		
	Kích thước (CXRXD)		Thiết bị	mm	235×960×690			235×1,270×690		235×1,590×690	
	Trọng lượng		Thiết bị	kg	25			32		38	
	Phạm vi hoạt động		°CWB	14 đến 25							
Dàn nóng	Màu sắc	Trắng ngà									
	Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel + Mạ kẽm								
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín								
	Công suất động cơ		kW	1.10		1.20	1.30	1.60			
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)		kg	0.6 (Đã nạp cho 15 m)		0.7 (Đã nạp cho 10 m)	0.8 (Đã nạp cho 10 m)	1.0 (Đã nạp cho 15 m)			
	Độ ồn³	Làm lạnh	dB(A)	48	49	50	51	52			
	Kích thước (CXRXD)		mm	595×845×300			695×930×350				
	Trọng lượng		kg	34			37	44			
	Phạm vi hoạt động		°CDB	21 đến 46							
	Kết nối đường ống	Lồng (Loe)	mm	ø 6.4					ø 9.5		
Hơi (Loe)		mm	ø 12.7					ø 15.9			
Nước xả		Dàn lạnh	mm	VP20 (Đường kính trong ø 20×Đường kính ngoài ø 26)							
		Dàn nóng ⁴	mm	Kết nối lỗ đường kính trong ø 16							
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị			m	30 (Chiều dài tương đương 40)				50 (Chiều dài tương đương 70)			
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt			m	15				30			
Cách nhiệt			Cả ống lỏng và ống hơi								

ÁP TRẦN (3 Pha)

Tên Model			Dàn lạnh		71	85	100	125	140	
			Dàn nóng		FHFC71EV1	FHFC85EV1	FHFC100EV1	FHFC125EV1	FHFC140EV1	
Nguồn điện			Dàn nóng		3 Pha, 380-415V, 50Hz					
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)			kW	7.1 (3.2-8.0)	8.5 (4.2-10.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)		
			Btu/h	24,200 (10,900-27,300)	29,000 (14,300-34,100)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)		
Điện năng tiêu thụ		Làm lạnh ¹	kW	2.34	2.75	3.31	4.02	5.36		
COP			kW/kW	3.03	3.09	3.02	3.11	2.61		
CSPF			kWh/kWh	5.30	4.54	4.50	4.20	4.08		
Dàn lạnh			Màu sắc	Thiết bị	Trắng					
			Lưu lượng gió (C / TB / T)	m³/phút	20.5 / 17 / 14		28 / 24 / 20	31 / 27 / 23	34 / 29 / 24	
					724 / 600 / 494		988 / 847 / 706	1,094 / 953 / 812	1,200 / 1,024 / 847	
			Độ ồn³ (C / TB / T)		dB(A)	38 / 36 / 34		42 / 38 / 34	44 / 41 / 37	46 / 42 / 38
			Kích thước (CXRXD)	Thiết bị	mm	235x1,270x690		235x1,590x690		
			Trọng lượng	Thiết bị	kg	32		38		
Phạm vi hoạt động			°CWB	14 đến 25						
Dàn nóng			Màu sắc	Ivory white						
			Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel + Mạ kẽm					
			Máy nén	Loại	Swing dạng kín					
					Công suất động cơ		kW	1.60		2.40
			Mức nạp môi chất lạnh (R32)		kg	1.0 (Đã nạp cho 15 m)		1.35 (Đã nạp cho 15 m)		
			Độ ồn³	Làm lạnh	dB(A)	50	51	52	54	56
			Kích thước (CXRXD)	mm	695x930x350		990x940x320			
			Trọng lượng	kg	46		62			
			Phạm vi hoạt động		°CDB	21 đến 46				
Kết nối đường ống			Lồng (Loe)	ø 9.5						
			Hơi (Loe)	ø 15.9						
			Nước xả	Dàn lạnh	mm	VP20 (Đường kính trong ø 20xĐường kính ngoài ø 26)				
				Dàn nóng ⁴	mm	Kết nối lỗ đường kính trong ø 16			Kết nối lỗ đường kính trong ø 25	
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị			m	50 (Chiều dài tương đương 70)						
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt			m	30						
Cách nhiệt			Cả ống lỏng và ống hơi							

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB. Đường ống môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang).
² Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³ Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không dội âm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vận âm.
⁴ Cần có nút thoát nước.

ÁP TRẦN

ÁP TRẦN



Series RZF

Series RZA

Series RZFC

STT	Mục	Tên phụ kiện		Tên model						Phụ kiện bắt buộc-1	Phụ kiện bắt buộc-2	Lưu ý	
				FHA 50/60CVMV MƠ 50/60DVMV	FHA 71CVMV MƠ 71DVMV	FHA 100CVMV 125/140CVM	MƠ FHFC 40/50/60 EV1	MƠ FHFC 71/85 EV1	MƠ FHFC 100/125/140 EV1				
1	Phin lọc	Phin lọc thay thế tuổi thọ cao	Lưới nhựa	KAF501B56	KAF501B80	KAF501B160	KAF501B56	KAF501B80	KAF501B160				
2	Bơm nước xả	Bộ bơm nước xả		KDU50R160									
3		Dụng cụ nối ống chữ L (hướng lên trên)		KHFP5N160									
4	IAQ	Thiết bị lọc khí Streamer		BAPWS55A61		---				BERPW50A61	BRC1H63W/K	*4,5	
5		Bộ gắn cho tùy chọn Streamer		BERPW50A61		---							
6	Điều khiển từ xa	Điều khiển từ xa thời trang	Có dây	Trắng	BRC1H63W		---						*1
7				Đen	BRC1H63K		---						*1
8		Navigation remote controller	Có dây		BRC1E63		---						*1
9		Điều khiển từ xa đơn giản	Có dây		---		BRC2E61						*1
10		Điều khiển từ xa	Không dây	Một chiều lạnh	BRC7M56		BRC7GA56						
11			Hai chiều	BRC7M53		---							
12	Điều khiển	Điều khiển từ xa trung tâm		DCS302CA61								*2	
13		Điều khiển BẬT/TẮT đồng nhất		DCS301BA61								*2	
14		Bộ lập trình thời gian		DST301BA61								*2	
15		intelligent touch controller		DCS601C51								*2	
16		MƠ Điều khiển Simple touch			DTP401A61						DTP401A62		*2
17	MƠ Điều khiển Simple touch	Bộ đổi nguồn AC	Cho Việt Nam	DTP401A62									
18	Thiết bị	Bộ chuyển đổi dây		BRP11B61-1									
19		Bộ chuyển đổi dây cho phụ kiện điện		KRP4AA52						KRP1D93A		*3	
20		Bộ chuyển đổi thiết bị số đầu vào		BRP7A52		---				KRP1D93A		*3	
21		Tấm gắn hộp chuyển đổi		KKSAP50A56	---		KKSAP50A56	---					
22		Hộp lắp đặt cho bộ chuyển đổi PCB		KRP1D93A									
23		Hộp điện nối đất (3 cụm)		KJB311AA									
24		Hộp điện nối đất (2 cụm)		KJB212AA									
25	Cảm biến điều khiển từ xa	Cảm biến từ xa (cho nhiệt độ trong nhà)		BRCS01A-6				BRCS01A-4					
26	Không dây	Bộ điều hợp kết nối mạng LAN không dây		BRP072C42-1		---							

Lưu ý:
*1. Dây điện cho bộ điều khiển từ xa có dây phải được mua tại địa phương.
*2. Dàn lạnh được trang bị tiêu chuẩn với bộ chuyển đổi giao diện cho series SkyAir. Không cần tùy chọn.
*3. Cần có hộp lắp đặt cho PCB bộ điều hợp (KRP1D93A).
*4. Tùy chọn này chỉ khả dụng khi sử dụng bộ điều khiển từ xa thời trang (BRC1H63W(K)).
*5. Cần có bộ gắn cho tùy chọn Streamer (BERPW50A61).

Dàn nóng

Inverter Cao cấp

Dàn nóng

Inverter Cao cấp

Series RZF

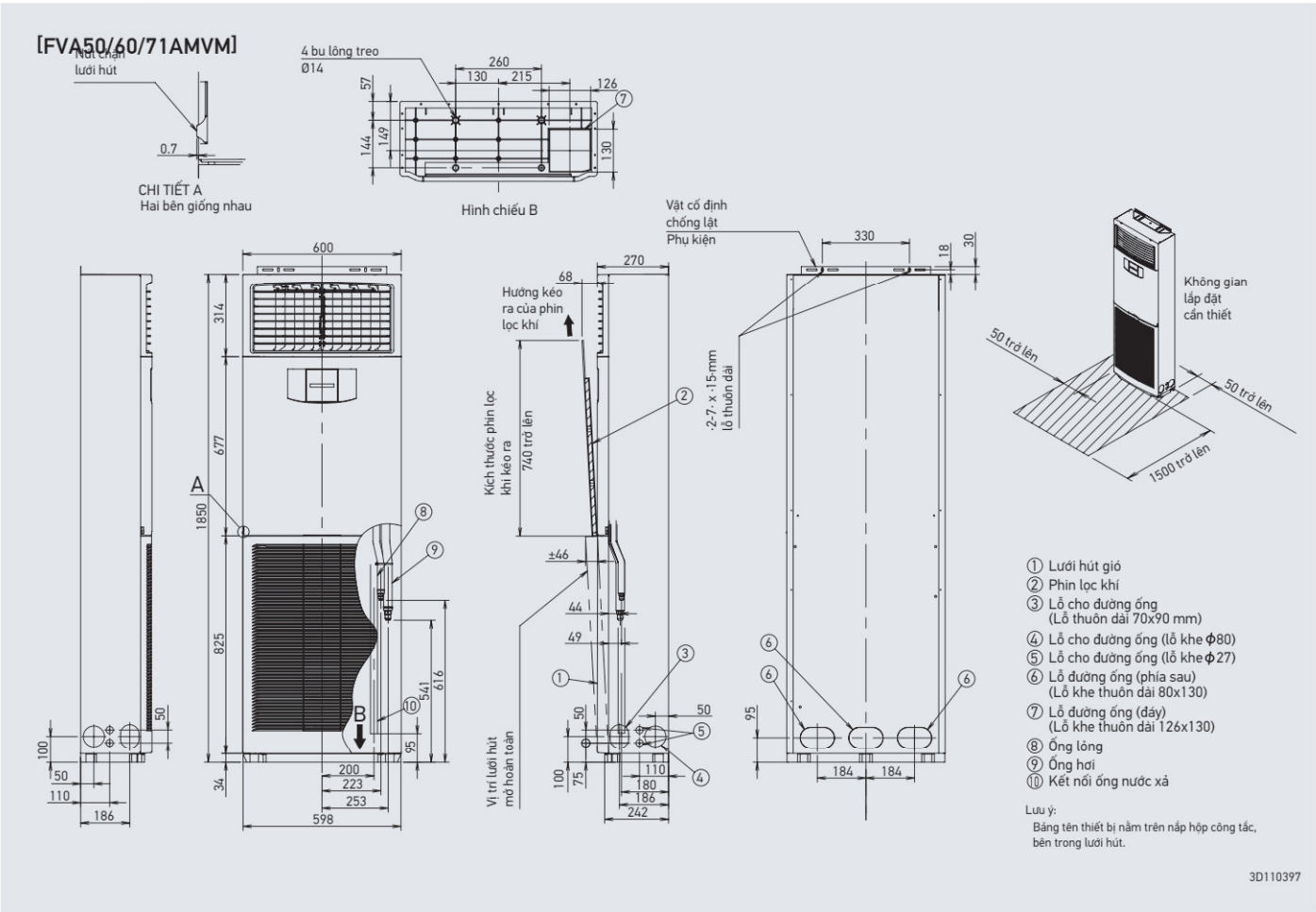
Series RZA

			Tên model					
								 
STT	Tên phụ kiện	1 Pha	 RZF 50/60/71DVM	RZA 50/60DV2V	RZF 100CVM	RZF 125/140CVM	 RZF 100/125/140DVM	RZA 71/100/125/140DV1
		3 Pha	—	—	 RZF71DYM 100CYM	RZF 125/140CYM	 RZF 100/125/140DYM	RZA 100/125/140DY1
1	Nút xả nước trung tâm		KKP014A4		KKP937A4		KKPJ5H280	
2	Dây cố định để chống đổ dàn nóng		—		—		K-KYZP15C	
3	Tấm cố định để chống đổ dàn nóng		—		—		KKT5B112	
4	Cánh hướng dòng		KPW937F4		KPW5G112			

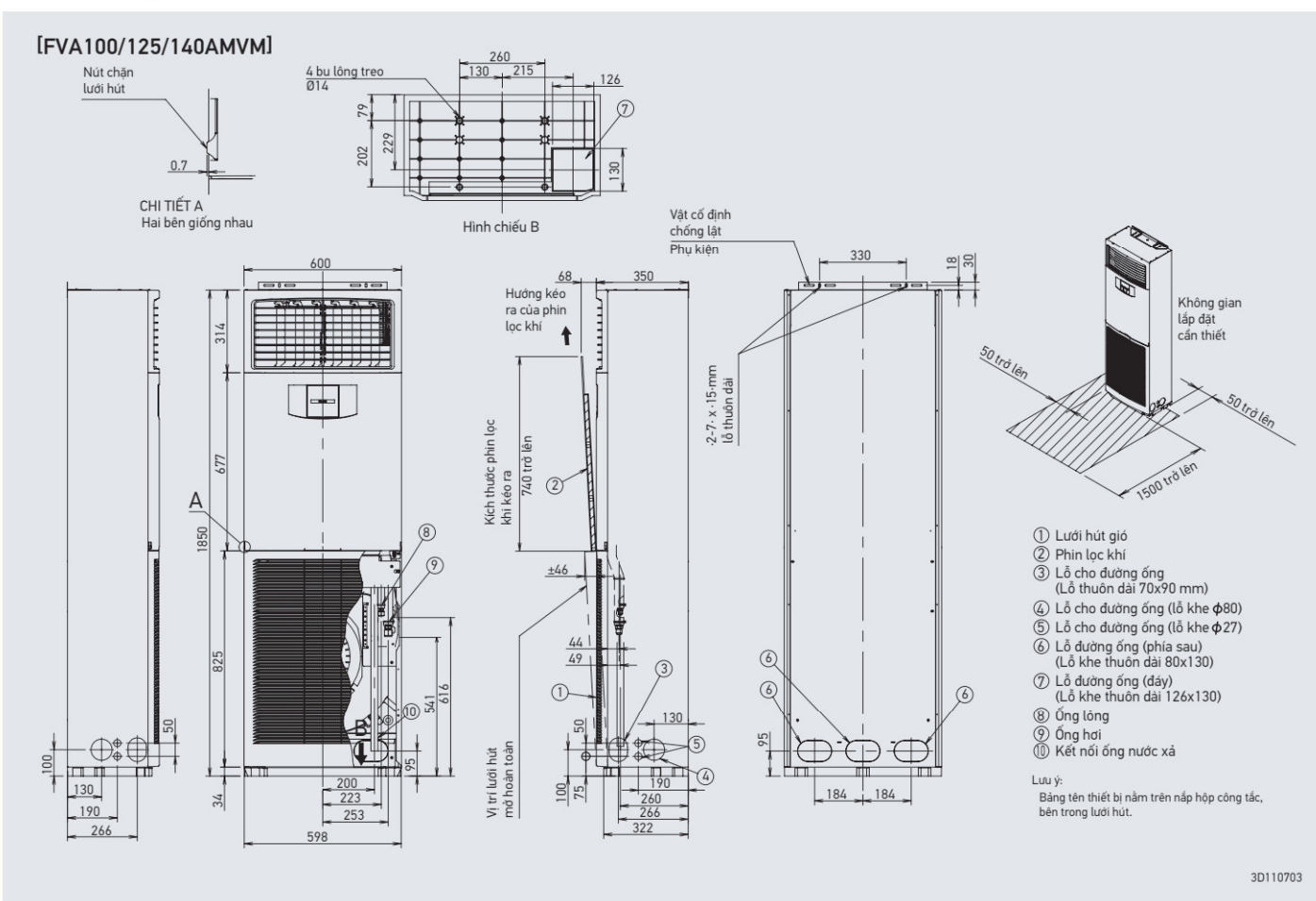
Inverter Tiêu Chuẩn

			Tên model			
						
Inverter Tiêu Chuẩn Series RZFC						
STT	Tên phụ kiện	1 Pha	RZFC 35EVM	 RZFC 40/50/60/71EVM	 RZFC 85/100EVM	—
		3 Pha	—	—	 RZFC 71/85/100EY1	 RZFC 125/140EY1
1	Nút xả nước trung tâm		KKP937A4	KKP014A4	KKP937A4	KKPJ5H280
2	Dây cố định để chống đổ dàn nóng			—		K-KYZP15C
3	Tấm cố định để chống đổ dàn nóng			—		KKTTP5B112
4	Cánh hướng dòng		KPW937F4		KPW5G112	

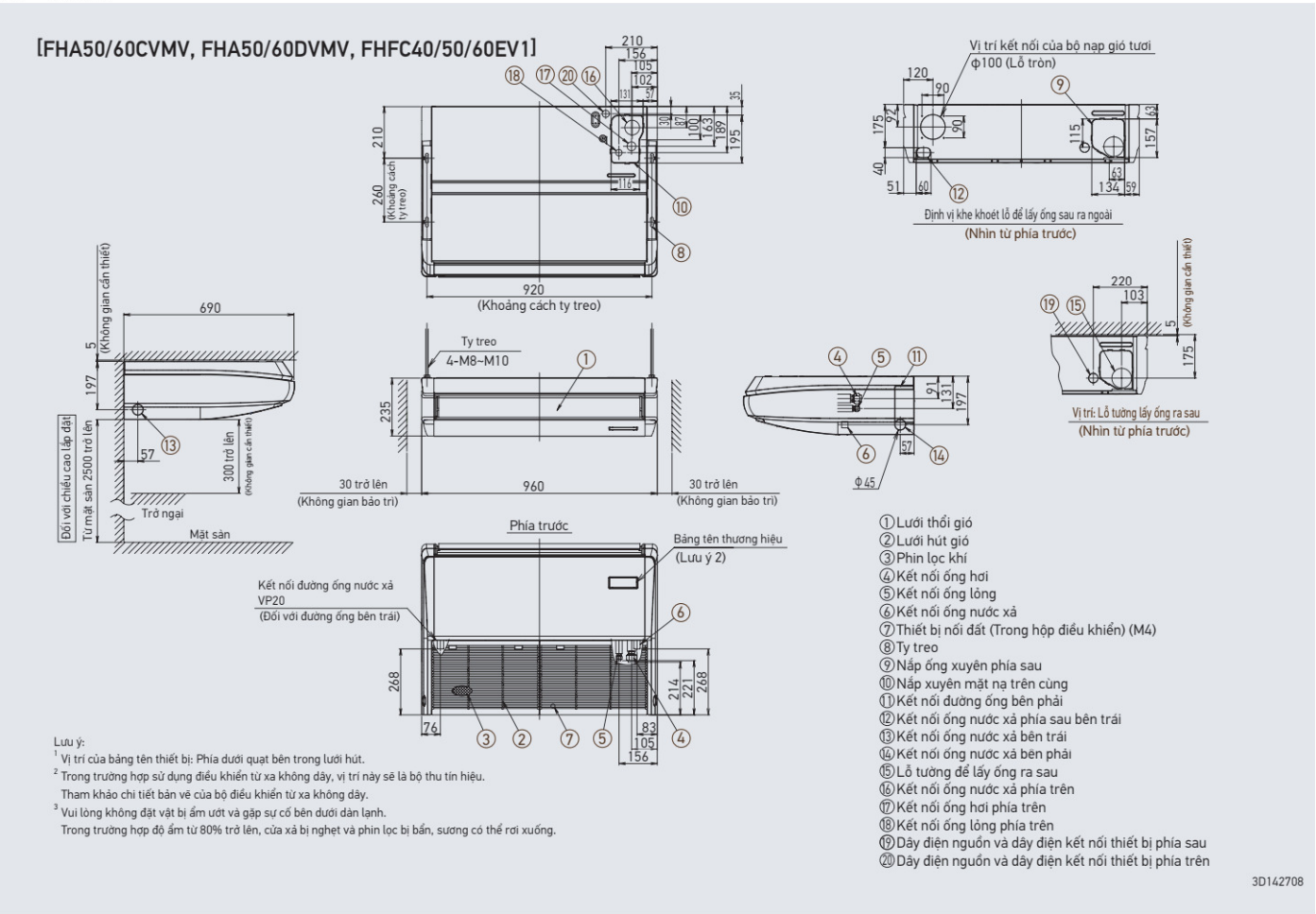
TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN



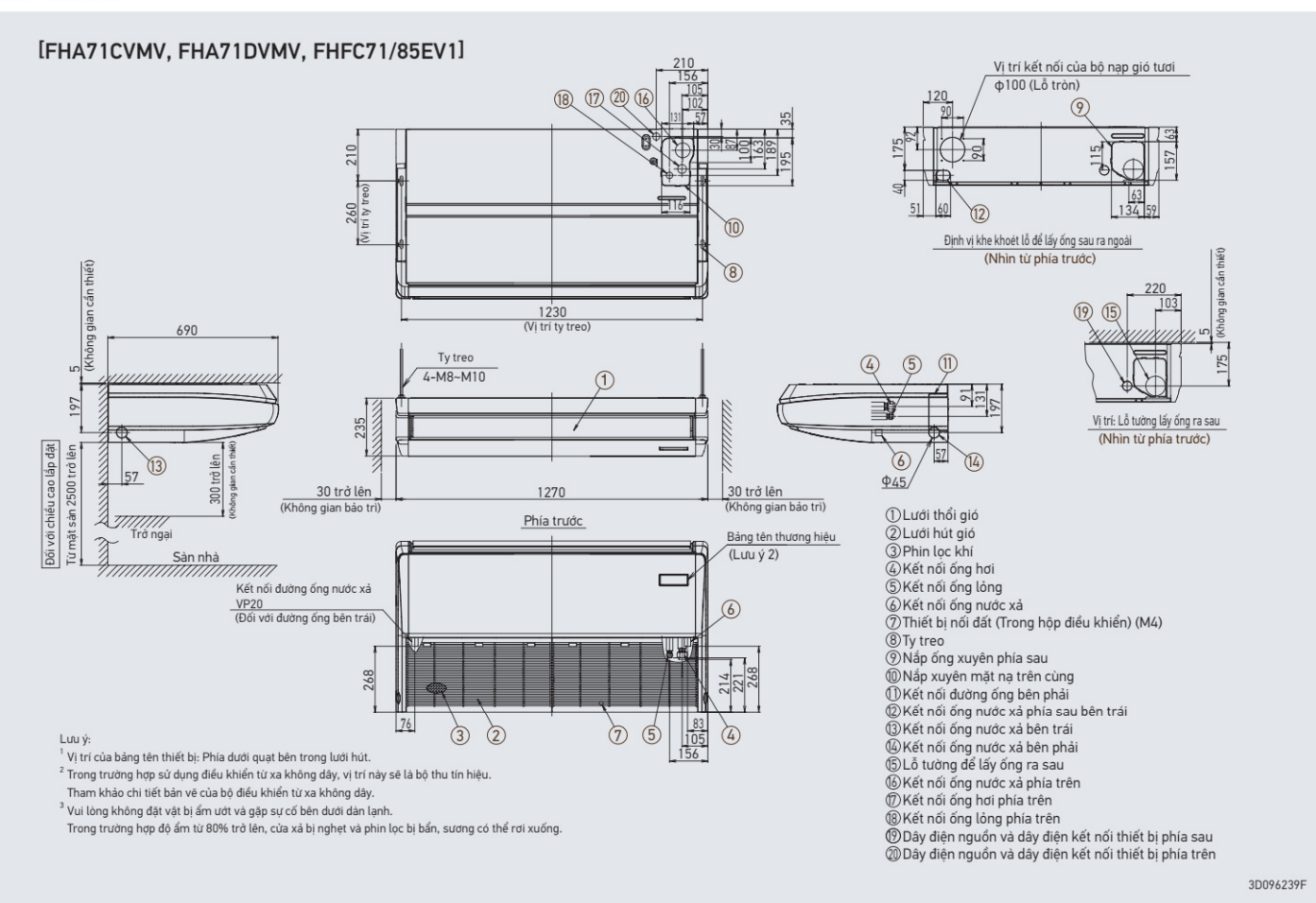
TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN



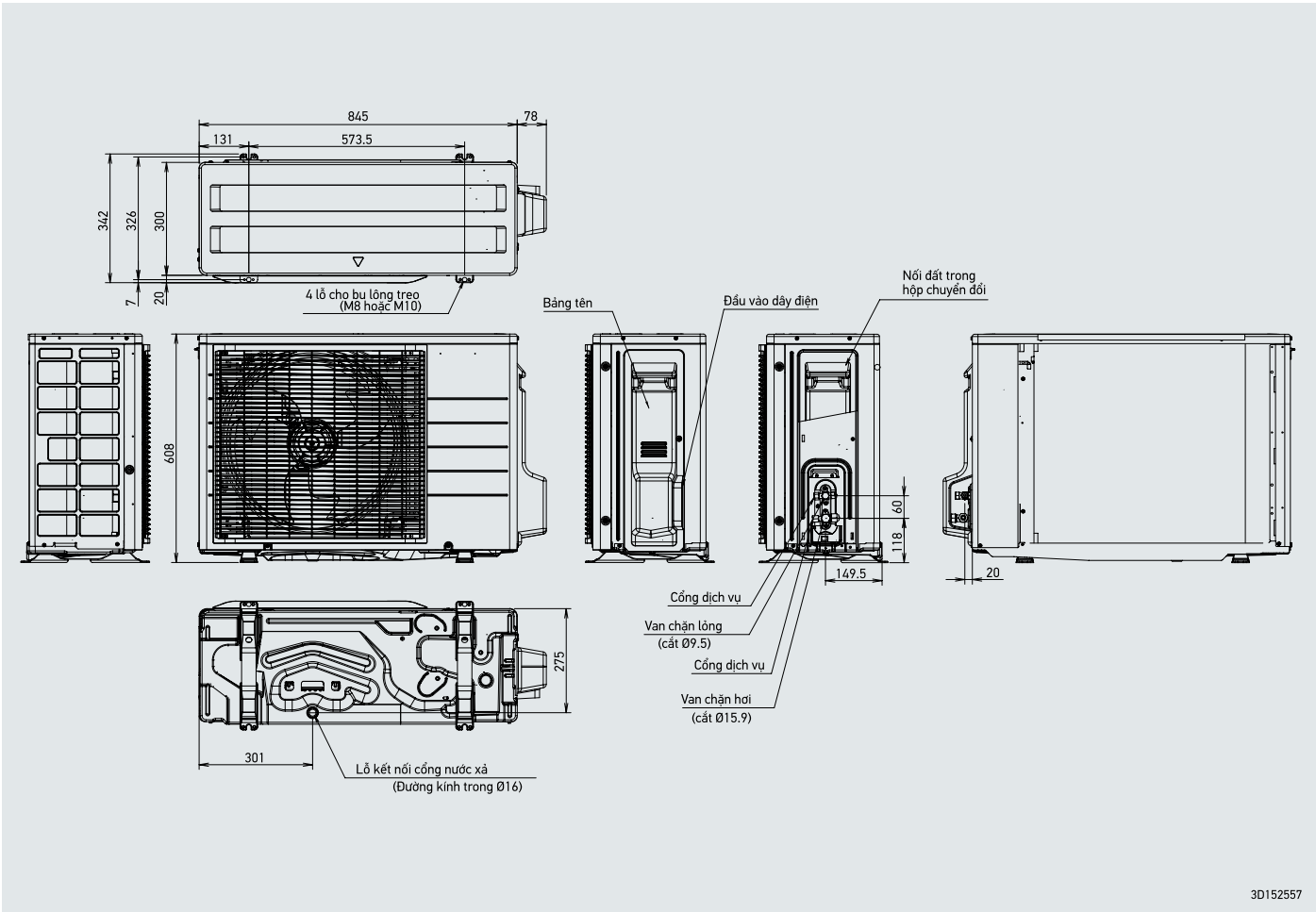
ÁP TRẦN



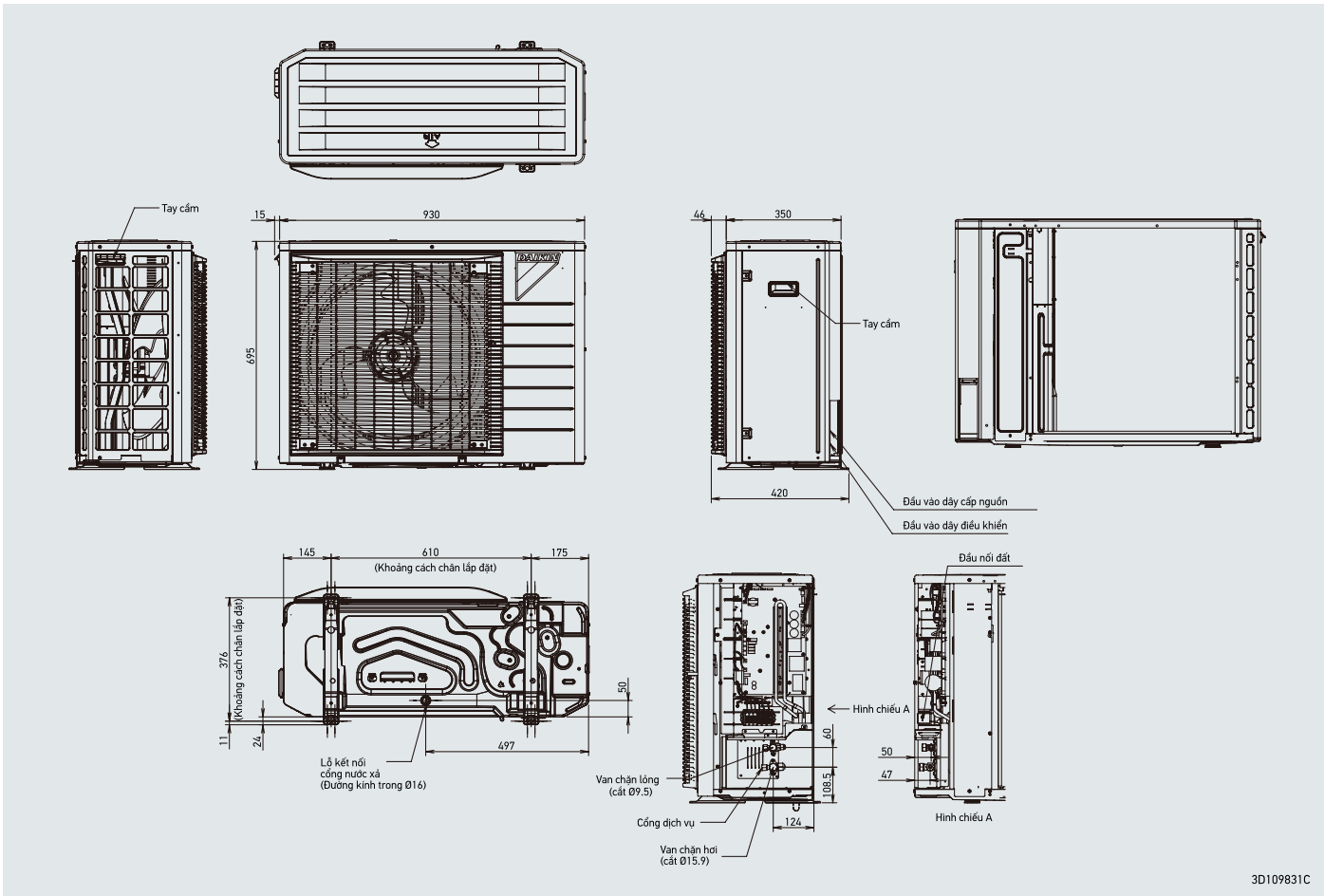
ÁP TRẦN



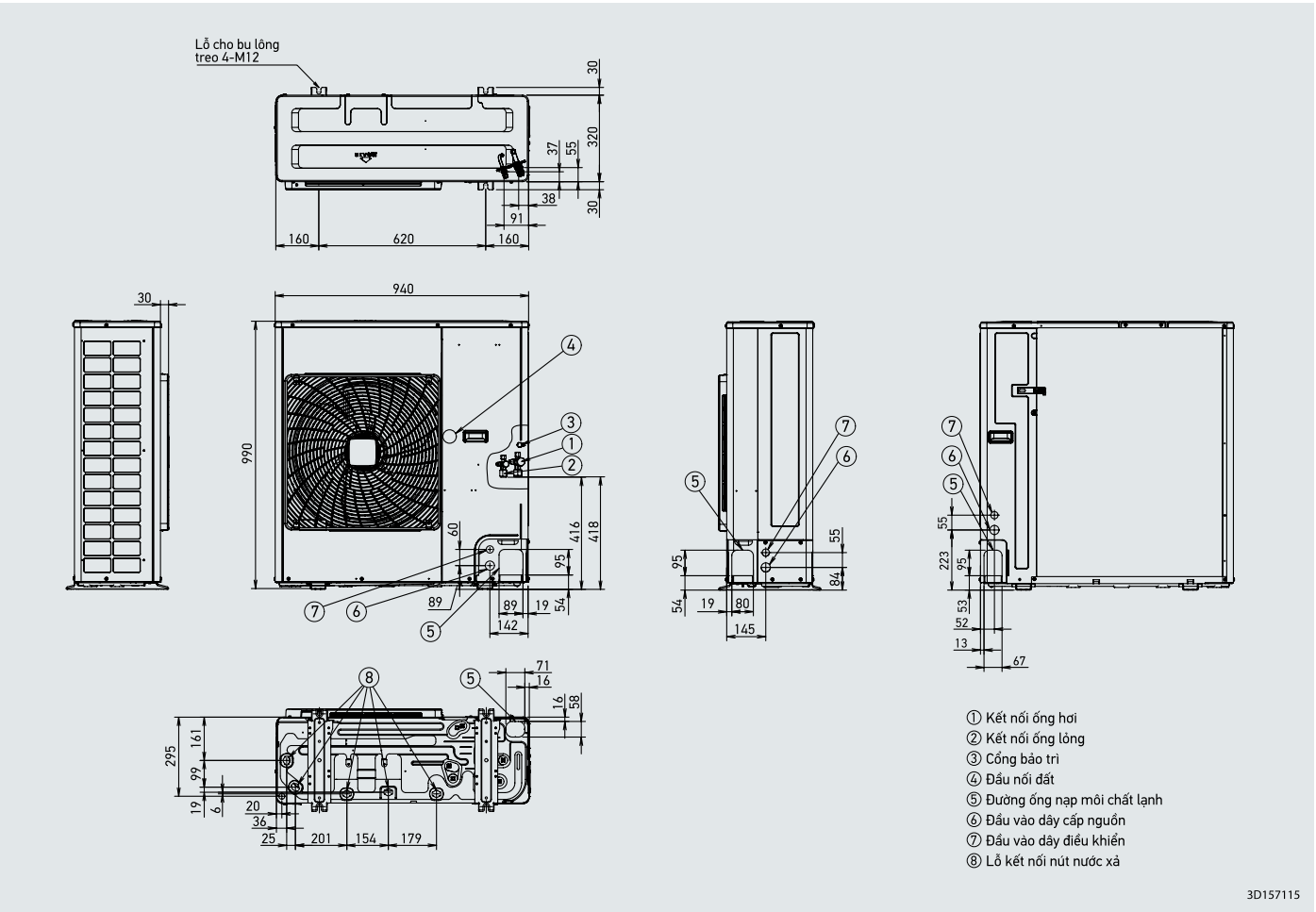
DÀN NÓNG // RZF50/60/71DVM



DÀN NÓNG // RZF71DYM, RZF100CVM, RZF100CYM, RZFC71/85/100EY1



DÀN NÓNG // RZF100/125/140DVM, RZF100/125/140DYM



DÀN NÓNG // RZF125/140CVM, RZF125/140CYM, RZFC125/140EY1

